TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TC** TỈNH SƠN LA	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2018/HSST.
Ngày: 22-5-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: bà Lê Thị Chiến.

Các Hội thẩm nhân nhân:

1. Ông Lò Thanh Dung, bí thư đoàn TNCSHCM xã TC, huyện TC;
2. Ông Lò Văn Quốc, cán bộ hưu trí xã PL, huyện TC.

- ***Thư ký phiên toà***: bà Trần Thị Mai - Thư ký Toà án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La*** *tham gia phiên toà*: Ông Lầu A Thống – Kiểm sát viên sơ cấp

Ngày 22 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC mở phiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 56/2018/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2018/ QĐXXST-HS ngày 08/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện TC đối với các bị cáo:

1. Bị cáo **Quàng Văn L**; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 05/7/2000 tại huyện TC, tỉnh Sơn La (tính đến ngày thực hiện hành vi bị truy cứu trách nhiệm hình sự bị cáo được 17 tuổi 04 tháng 18 ngày); nơi ĐKHKTT: bản MM, xã PL, huyện TC, tỉnh Sơn La; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kháng; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 11/12; nghề nghiệp: Học sinh; con ông: Quàng Văn Ch, sinh năm: 1973 và bà Quàng Thị L, sinh năm: 1974; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bắt tạm giam, tạm giữ từ ngày 23/11/2017 cho đến nay; có mặt.

Đại diện hợp pháp của bị cáo Quàng Văn L: bà Quàng Thị L; sinh năm 1974; nơi cư trú: bản MM, xã PL, huyện TC, tỉnh Sơn La (mẹ đẻ của bị cáo L); có mặt.

2. Bị cáo **Quàng Văn Kh**; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 13/6/2001 tại huyện TC, tỉnh Sơn La (tính đến ngày thực hiện hành vi bị truy cứu trách nhiệm hình sự bị cáo được 16 tuổi 05 tháng 10 ngày); nơi ĐKHKTT: bản TP, xã CP, huyện TC, tỉnh Sơn La; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 11/12; nghề nghiệp: Học sinh; con ông: Quàng Văn T, sinh năm: 1976 và bà Lường Thị Q, sinh năm: 1980; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bắt tạm giam, tạm giữ từ ngày 23/11/2017 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa .

Đại diện hợp pháp của bị cáo Quàng Văn Kh: bà Lường Thị Q, sinh năm 1980; nơi cư trú: bản TP, xã CP, huyện TC, tỉnh Sơn La (mẹ đẻ của bị cáo Kh);bị cáo có mặt tại phiên tòa .

Người bào chữa cho các bị cáo Quàng Văn L và Quàng Văn Kh: ông Đàm Mạnh H, luật sư Đoàn luật sư tỉnh Sơn La; có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: anh Quàng Văn H, sinh năm 2002. Địa chỉ: bản H, xã TC, huyện TC, tỉnh Sơn La; có mặt.

Đại diện hợp pháp của anh H (ông ngoại H): ông Quàng Văn D, sinh năm 1949. Địa chỉ: bản H, xã TC, huyện TC, tỉnh Sơn La; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 23/11/2017 Quàng Văn Kh và Quàng Văn L gặp nhau ở cổng trường Trung tâm dạy nghề và giáo dục thường xuyên huyện TC (thuộc bản XM, xã CP, huyện TC), Kh rủ L góp tiền đi mua ma túy về sử dụng, L đồng ý và đưa cho Kh số tiền 50.000 đồng. Kh cầm tiền và góp thêm 50.000 đồng rồi điều khiển xe mô tô BKS: 29 – 262H4 chở theo L đi lên xã TM để tìm mua ma túy. Khi đi đến đầu bản T , xã TM thì Kh và L gặp một người phụ nữ dân tộc Thái *(Kh và L không biết người phụ nữ đó họ tên và địa chỉ ở đâu*) nên Kh, L đã hỏi và mua được của người phụ nữ đó 01 gói heroin và 01 viên hồng phiến được gói trong một gói nilon màu trắng với giá 100.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, Kh đưa gói ma túy cho L cầm trên tay, còn Kh điều khiển xe mô tô chở L đi về. Khi về đến bản NQ, xã TM, huyện TC thì bị tổ công tác Công an huyện TC yêu cầu kiểm tra ma túy phát hiện, bắt quả tang và thu giữ cùng tang vật chứng. (BL: 47 – 59; 62- 77 Hồ sơ).

Tang vật thu giữ gồm:

- Một gói nilon màu trắng, bên trong chứa một ít bột cục màu trắng nghi là heroin và 01 viên nén hình trụ tròn màu hồng nghi là ma túy tổng hợp (L và Kh khai nhận là heroin và ma túy tổng hợp).

- Một chiếc xe máy, nhãn hiệu HONDA, loại xe CUB, màu sơn đen, BKS: 29 – 262H4, số khung: không rõ, số máy: 8039178, xe đã qua sử dụng cũ. (BL: 01- 04 Hồ sơ)

(*Gồm hai khoản*).

Hồi 08 giờ 45 phút ngày 23/11/2017 tại Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La đã tiến hành cân tịnh số bột cục màu trắng nghi là heroin và 01 viên nén màu hồng hình trụ trong nghi là ma túy tổng hợp thu giữ của Quàng Văn L và Quàng Văn Kh. Dùng cân điện tử cân tịnh toàn bộ số bột cục màu trắng thu giữ của L, Kh có trọng lượng 0,19 gam *(Không phẩy mười chín gam)*, rút 0,05 gam (*Không phẩy không năm gam)* làm mẫu vật gửi giám định ký hiệu LK1, còn lại 0,14 gam *(Không phẩy mười bốn gam)* nhập kho vật chứng ký hiệu LK2, cân tiếp 01 viên nén hình trụ tròn màu hồng có trong gói nilon màu trắng có trọng lượng 0,07 gam (*Không phẩy không bẩy gam*), lấy toàn bộ 0,07 gam làm mẫu vật gửi giám định ký hiệu LK3. Tại kết luận giám định số: 28/KLMT ngày 28/11/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: " *Mẫu gửi giám định ký hiệu LK1 là chất ma túy; Loại chất Heroin; Trọng lượng của mẫu gửi giám định là 0,5 gam, Mẫu gửi giám định ký hiệu LK3 là chất ma túy; Loại chất Methamphetamine; Trong lượng của mẫu gửi giám định là 0,07 gam. Tổng trọng lượng chất ma túy*

thu giữ là 0,19 gam; Loại chất Heroin và 0,07 gam; Loại chất Methamphetamine". (BL: 41; 44 Hồ sơ).

Bản cáo trạng số 23/CT- VKS ngày 05-2-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La đề nghị truy tố các bị cáo Quàng Văn L, Quàng Văn Kh về tội tàng trữ trái phép chất ma tuý theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS 2015.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC giữ quyền công tố luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Quàng Văn L, Quàng Văn Kh. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 69; Điều 71; Điều 74; Điều 53 Bộ luật hình sự 1999; Nghị quyết 41/2017/QH13 ngày 20/6/2017 của Quốc hội Việt Nam; Khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS 2015:

- Tuyên bố các bị cáo Quàng Văn Kh phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy;

- Xử phạt bị cáo Quàng Văn Kh 06 (sáu) tháng 01 (một) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày 23/11/2017 (là ngày bắt tạm giữ, tạm giam đối với bị cáo).

Căn cứ khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1,2 Điều 46; Điều 69; Điều 71; Điều 74; Điều 53 Bộ luật hình sự 1999; Nghị quyết 41/2017/QH13 ngày 20/6/2017 của Quốc hội Việt Nam; Khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS 2015:

- Tuyên bố các bị cáo Quàng Văn L phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy;

- Xử phạt bị cáo Quàng Văn L 06 (sáu) tháng 01 (một) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày 23/11/2017 (là ngày bắt tạm giữ, tạm giam đối với bị cáo).

Áp dụng khoản 3 Điều 328 BLTTHS 2015 tuyên trả tự do cho các bị cáo Quàng Văn L, Quàng Văn Kh đang bị tạm giam nếu không bị tạm giam về một tội phạm khác

Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 tuyên tịch thu tiêu hủy: 0,14 (không phẩy mười bốn) gam chất ma túy loại hê rô in ký hiệu LK2. Trả cho anh Quàng Văn H 01 xe máy nhãn hiệu Honda, loại xe CUB, màu sơn đen, BKS: 29 – 262H4, số khung: không rõ, số máy: 8039178, xe đã qua sử dụng cũ

Các bị cáo là người chưa thành niên nên không phải án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, lời khai, lời trình bày ý kiến của bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án như: biên bản hỏi cung bị can; biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản thu giữ, niêm phong, mở niêm phong vật chứng của vụ án để lấy mẫu giám định; kết luận giám định.

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của các bị cáo và người bào chữa cho các bị cáo có ý kiến: nhất trí với lời luận tội của đại diện viện kiểm sát về việc truy tố các bị cáo tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, xin Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức hình phạt thấp nhất cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Quàng Văn H và đại diện hợp pháp của anh Hưng trình bày: anh H không biết việc các bị cáo sử dụng xe máy để đi mua ma túy; anh H và gia đình có yêu cầu được xin lại xe máy để làm phương tiện đi lại.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo nhất trí với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đề nghị truy tố, xét xử các bị cáo về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Nay các bị cáo đã thực sự nhận ra lỗi lầm, các bị cáo rất ân hận, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Xét hành vi tàng trữ trái phép là 0,19 gam hê rôn in và 0,07 gam *Methamphetamine* của các bị cáo Quàng Văn Kh, Quàng Văn L nhằm mục đích sử dụng cho bản thân là vi phạm pháp luật. Bởi, các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự để nhận thức được hành vi mua, tàng trữ trái phép chất ma túy là hành vi nguy hiểm cho xã hội, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự 1999

Tại Điều 194 BLHS 1999 quy định:

" 1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma tuý hoặc chiếm đoạt chất ma tuý, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm".

Hành vi phạm tội của các bị cáo thực hiện vào ngày 23-11-2017 chịu sự điều chỉnh của Bộ luật hình sự năm 1999 nhưng mức hình phạt đối với tội Tàng trữ trái phép ma túy theo Bộ luật hình sự năm 2015 thấp hơn, có lợi hơn cho các bị cáo so với Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại Điều 239 BLHS 2015 quy định:

"1. *Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

……

c) Hêrôin, côcain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

……

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản."

Theo Nghị quyết 41/2017/QH13 ngày 20/6/2017 của Quốc hội Việt Nam; Khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS 2015 đối với các bị cáo Quàng Văn Kh, Quàng

Văn L như quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện TC để xét xử theo hướng có lợi cho bị cáo, tạo cơ hội cho bị cáo sớm về với gia đình và xã hội.

[2] Xét vai trò đồng phạm, các bị cáo đều là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội; không có sự bàn bạc, chuẩn bị và phân công từ trước nên các bị áo phạm tội thuộc trường hợp giản đơn và có vai trò, ví trí ngang nhau, cần áp dụng Điều 53 BLHS 1999 đối với các bị cáo

[2] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội bởi hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma tuý và là nguyên nhân làm gia tăng những tệ nạn xã hội và tội phạm hình sự, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự an toàn xã hội và an ninh quốc gia. Do đó cần áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS 2015 có mức hình phạt từ 01 đến 05 năm đối với các bị cáo.

[3] Xét nhân thân các bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo biết rõ tác hại của ma túy mà vẫn cố ý phạm tội nên cần có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật trong việc đấu tranh với tệ nạn ma túy. Cần cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo để trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội. Tuy nhiên khi thực hiện hành vi phạm tội bị Quàng Văn Kh mới có 17 tuổi 04 tháng 18 ngày, bị cáo Quàng Văn L mới có 16 tuổi 05 tháng 10 ngày (đều dưới 18 tuổi) nên các bị cáo là đối tượng chưa phát triển đầy đủ về thể chất cũng như về tâm sinh lý, bị hạn chế về trình độ nhận thức cũng như về kinh nghiệm sống, thiếu những điều kiện về bản lĩnh tự lập, khả năng tự kiềm chế chưa cao nên họ dễ bị kích động, dễ bị lôi kéo để thực hiện các hành vi phạm tội do đó cần áp dụng Điều 69, 71, 74 Bộ luật hình sự 1999 có mức hình phạt cao nhất không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định đối với người đã thành niên nhằm mục đích giúp đỡ, cải tạo, giáo dục để bị cáo chưa thành niên nhận ra sai lầm từ đó sửa chữa những sai lầm của mình, tạo điều kiện để có cơ hội tái hòa nhập cộng đồng.

[4] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo tàng trữ lượng ma túy không lớn, mục đích chỉ để sử dụng cho bản thân; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS 1999. Riêng bị cáo Quàng Văn L sinh sống tại xã PL là xã đặc biệt khó khăn và có ông nội là Quàng Văn S được tặng huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS 1999

[5] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự 1999

[6] Đối với hình phạt bổ sung được quy định tại khoản 5 Điều 249 BLHS. Các bị cáo là người chưa thành niên nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TC Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, Kiểm sát viên trong quá trình

điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Về vật chứng: Đối với 0,14 g chất ma túy, loại chất Heroin là vật nhà nước cấm lưu hành cần áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda, loại xe CUB, màu sơn đen, BKS: 29 – 262H4, số khung: không rõ, số máy: 8039178, xe đã qua sử dụng cũ là phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội. Qua điều tra xác minh xác định xe máy thuộc sở hữu của anh Quàng Văn H, việc các bị cáo sử dụng xe chiếc xe mô tô trên đi mua heroin thì anh H không biết, anh H đã cung cấp giấy tờ xe hợp lệ và có Đơn xin xe. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần trả lại chiếc xe máy cho anh Quàng Văn H là chủ sở hữu hợp pháp.

[9] Đối với người phụ nữ dân tộc Thái đã bán ma túy cho Quàng Văn L, Quàng Văn Kh tại bản Th– TM – TC nhưng do L, Kh không biết họ tên, địa chỉ cụ thể của đối tượng đó nên không có căn cứ để điều tra xử lý, cần chấp nhận.

[10] Khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên nên không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 69; Điều 71; Điều 74; Điều 53 Bộ luật hình sự 1999; Nghị quyết 41/2017/QH13 ngày 20/6/2017 của Quốc hội Việt Nam; Khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS 2015:

- Tuyên bố bị cáo Quàng Văn Kh phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy;

- Xử phạt bị cáo Quàng Văn Kh 06 (sáu) tháng 01 (ngày) tù. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày 23/11/2017 (là ngày bắt tạm giữ, tạm giam đối với bị cáo).

Căn cứ khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1,2 Điều 46; Điều 69; Điều 71; Điều 74; Điều 53 Bộ luật hình sự 1999; Nghị quyết 41/2017/QH13 ngày 20/6/2017 của Quốc hội Việt Nam; Khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 1,2 Điều 249 BLHS 2015:

- Tuyên bố bị cáo Quàng Văn L phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy;

- Xử phạt bị cáo Quàng Văn L 06 (sáu) tháng 01 (ngày) tù. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày 23/11/2017 (là ngày bắt tạm giữ, tạm giam đối với bị cáo).

2. Căn cứ khoản 5 Điều 328 BLTTHS 2015 tuyên trả tự do ngay tại phiên tòa cho các bị cáo Quàng Văn L, Quàng Văn Kh đang bị tạm giam nếu các bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy: 0,14 (không phẩy mười bốn) gam chất ma túy loại hê rô in ký hiệu LK2 được niêm phong trong phong bì thư.

- Trả cho anh Quàng Văn H 01 xe máy nhãn hiệu Honda, loại xe CUB, màu sơn đen, BKS: 29 – 262H4, số khung: không rõ, số máy: 8039178, xe đã qua sử dụng cũ

4. Án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án các bị cáo không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm

5. Quyền kháng cáo

Căn cứ Điều 331, 333 BLTTHS năm 2015 báo cho các bị cáo và đại diện hợp pháp của bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo về phần trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND (02 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La
- CA huyện TC;
- Chi cục THADS huyện TC;
- UBND xã PL, huyện TC;
- UBND xã CP, huyện TC;
- Bị cáo;
- Lưu án văn;
- Lưu:Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lê Thị Chiến